

STT	Nội dung	Nội dung theo báo cáo kế hoạch BVMT đã phê duyệt	Nội dung thực hiện hiện nay	Đánh giá tác động từ việc thay đổi
2	Nồi hơi phục vụ sản xuất ùi - ép sản phẩm	- Lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt bằng vải vụn.	- Sử dụng nồi hơi điện 5kW	- Công ty thay đổi nhiên liệu đốt từ than củi sang bằng điện, sử dụng nồi hơi điện không phát sinh khí thải, thay đổi tích cực cho môi trường.
3	Biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải	- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 17,3 m ³ /bể, sau đó thấm rút.	- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn 17,6 m ³ /bể; Nước thải sau xử lý được đưa qua 01 bể chứa chung 17,9 m ³ và tận dụng tưới sân đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở.	- Lượng nước phát sinh tại nhà máy xử lý bằng 02 bể tự hoại và tận dụng tưới sân đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở. Do đó, việc thay đổi này vẫn đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh. Không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.
4	Kho chứa CTNH	- Kho chứa chất thải nguy hại 6 m ² (LxB:3x2) m.	- Kho chứa chất thải nguy hại 10,85 m ² , kích thước (LxB:7x1,55) m.	- Về diện tích hiện nay lớn hơn so với KH BVMT → thay đổi tích cực.
5	Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường	-	Kho chứa chất thải CTCN thông thường 13,2 m ² , kích thước (LxB:8x1,65) m.	Công ty xây kho chứa chất thải CTCN thông thường đảm bảo các công trình BVMT đầy đủ.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải sinh hoạt:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân từ 2 nguồn:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân tại khu vực văn phòng, nhà nghỉ công nhân, nhà ăn.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân tại nhà vệ sinh chung.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 3,1 m³/ngày đêm, tương đương 0,13 m³/giờ.

1.3. Dòng nước thải:

+ Dòng số 01: dòng nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, nhà nghỉ công nhân, nhà ăn được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 17,6 m³, sau đó dẫn qua bể chứa dung tích 17,9 m³ ở vị trí sau nhà vệ sinh chung để tái sử dụng trong khu vực cơ sở.

+ Dòng số 02: dòng nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh chung được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 17,6 m³, sau đó dẫn qua bể chứa dung tích 17,9 m³ ở vị trí sau nhà vệ sinh chung để tái sử dụng trong khu vực cơ sở.

Nước thải sinh hoạt sau khi qua xử lý bằng 02 bể tự hoại đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được lưu chứa lại vào 01 bể lưu chứa 17,9 m³ được tận dụng tưới sân đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được tận dụng tưới sân đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở, nên tính chất nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Bảng 4-1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất của nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
01	pH	-	5-9
02	BOD ₅ ở 20°C	mg/L	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
04	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
05	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
07	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50
08	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20
09	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10

10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được lưu vào 01 bể chứa dung tích 17,9 m³/bể, sau đó tận dụng tưới sân đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở. Tọa độ bể chứa x = 1274303; y = 0579019 (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°).

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại bể chứa sau xử lý. Nước thải sinh hoạt sau xử lý được tận dụng tưới sân đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

2.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Nguồn phát sinh tiếng ồn: Tiếng ồn phát sinh từ các phân xưởng sản xuất.

2.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Khu vực xưởng sản xuất có tọa độ: X = 1274282,1; Y = 0578985,8 (Hệ VN 2000, kinh tuyến 108°15' múi chiều 3°).

- Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 4-1: Bảng giá trị giới hạn của tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	Khu vực thông thường

2.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với độ rung:

2.2.1. Nguồn phát sinh độ rung:

Nguồn phát sinh độ rung: Độ rung phát sinh từ các phân xưởng sản xuất.

2.1.2. Vị trí phát sinh độ rung:

- Khu vực xưởng sản xuất có tọa độ: X = 1274282,1; Y = 0578985,8 (Hệ VN 2000, kinh tuyến 108°15' múi chiều 3°).

- Giới hạn đối với độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ QCVN 27:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4-2: Bảng giá trị giới hạn của độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	
1	70	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Theo nội dung chương trình giám sát môi trường của bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước xác nhận tại Giấy xác nhận số 3990/GXN-UBND ngày 14/11/2019, trong giai đoạn vận hành Công ty chỉ thực hiện quan trắc khí thải định kỳ, không quan trắc nước thải.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải:

Chương trình giám sát môi trường của Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước xác nhận tại Giấy xác nhận số 3990/GXN-UBND ngày 14/11/2019, nhiên liệu gia nhiệt cho nồi hơi là bằng vải vụn. Tuy nhiên tháng 04/2020, Công ty sự thay đổi nhiên liệu gia nhiệt nồi hơi từ vải vụn được thay bằng công nghệ gia nhiệt bằng điện, nên hoạt động của Nhà máy không phát sinh khí thải. Vì vậy, Công ty không thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ sở Công ty Cổ phần may D'SAGO, thôn Từ Tâm, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần may D'SAGO không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở là quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

1.1. Đối với nước thải sinh hoạt:

1.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 5-1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
01	02 Bể tự hoại	01/03/2024	15/4/2024	100%

1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Thời gian dự kiến lấy mẫu:

Bảng 5-2. Thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
01	02 Bể tự hoại	08/4/2024	10/4/2024	Lấy mẫu quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

- Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu:

Bảng 5-3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu

Stt	Vị trí	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
	Bể tự hoại			
01	01 bể chứa nước thải sau xử lý (02 mẫu/ngày)	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn hòa tan (TDS); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P); Sunfua (tính theo H ₂ S); Dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Coliform.	03	08/4/2024 09/4/2024 10/4/2024

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Ninh Thuận.

1.2. Đối với khí thải, tiếng ồn và độ rung:

Theo nội dung mô tả các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn và độ rung tại Chương III và nội dung đề nghị cấp giấy phép bảo vệ môi trường tại Chương IV của báo cáo này cho thấy cơ sở không thuộc quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật:

- Quan trắc nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt của Nhà máy khoảng 3,1 m³/ngày.đêm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Nhà máy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ; tự động, liên tục.

- Quan trắc chất thải rắn công nghiệp thông thường: khối lượng, chủng loại. Tại vị trí khu tập trung chất thải rắn thông thường, tần suất: thường xuyên.

- Quan trắc chất thải nguy hại: khối lượng, chủng loại (qua sổ nhật ký theo dõi). Tại vị trí kho chứa chất thải rắn nguy hại, tần suất thường xuyên.

- Chế độ báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ninh Phước theo quy định.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Nhà máy trong 02 năm gần nhất Công ty không có thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Xuất phát từ việc nhận thức rằng, các biện pháp giảm thiểu các tác động của Cơ sở tới môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất này là hoàn toàn khả thi và đảm bảo đầy đủ các quy chuẩn môi trường Việt Nam đã ban hành, cũng như từ việc nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại khu vực, Công ty Cổ phần may D'SAGO cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Đầu tư đầy đủ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu và các phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo đạt hoàn toàn quy chuẩn môi trường Việt Nam theo quy định, gồm:

+ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt;

+ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Công ty cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của: Luật Bảo vệ môi trường; Các văn bản pháp lý khác của Trung ương và địa phương đã ban hành về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình hoạt động của cơ sở.